

**CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
BECAMEX – BÌNH PHƯỚC**

Số: 94/QĐ-BBP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Chơn Thành, ngày 22 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Dự án
Khu công nghiệp Becamex-Bình Phước**

**TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT
BECAMEX - BÌNH PHƯỚC**

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

Căn cứ Thông tư 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex-Bình Phước ban hành ngày 29/06/2021, cập nhật lần thứ 2 ngày 12/11/2024;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động Công ty được Hội đồng Quản trị phê duyệt, ban hành ngày 04/07/2017;

Căn cứ Tờ trình số 295A/TTr-Ban MT ngày 29/5/2026 về việc Ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Dự án Khu công nghiệp Becamex-Bình Phước.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Dự án Khu công nghiệp Becamex-Bình Phước thuộc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex-Bình Phước.

Điều 2. Giao đồng chí Trưởng Ban Môi trường chịu trách nhiệm phối hợp với các cá nhân, đơn vị có liên quan triển khai, thực hiện Kế hoạch nêu trên theo đúng quy định.

Điều 3. Các ông/bà Phó Tổng Giám đốc, Lãnh đạo các phòng/ban/đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.



TOTR-26060036



Quyết định này thay thế Quyết định số 36/QĐ-BBP ngày 11/09/2023 của Tổng Giám đốc Công ty và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN KKT tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân phường Chơn Thành;
- Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phường Chơn Thành;
- Lưu: VT, Ban MT (Hạnh).



Dặng Văn Dũng



KẾ HOẠCH

Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước

(Ban hành kèm theo Quyết định số 94./QĐ-BBP ngày 22 tháng 06 năm 2026 của
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước).

I. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

Dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước do Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước làm chủ đầu tư. Trong quá trình hoạt động phát sinh các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải. Để chủ động phòng ngừa, hạn chế thấp nhất các thiệt hại khi xảy ra sự cố, tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường vì vậy Công ty đã thực hiện Kế hoạch Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Dự án Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước.

1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường;

Căn cứ Giấy phép Môi trường số 294/GPMT-BTNMT ngày 08/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp phép cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước đối với Giai đoạn 1 của Dự án “Khu Công nghiệp Becamex – Bình Phước”.

II. Thông tin chung

2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động.



Phường Chơn Thành là đơn vị hành chính nằm ở khu vực phía Tây Bắc của thành phố Đồng Nai, có vị trí địa lý thuận lợi trong kết nối giao thông và phát triển công nghiệp – đô thị của vùng Đông Nam Bộ. Khu vực có ranh giới hành chính: phía Bắc giáp xã Nha Bích, phía Tây giáp phường Minh Hưng, phía Đông và phía Nam giáp các khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Địa hình khu vực tương đối bằng phẳng, độ dốc nhỏ, đặc trưng của vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên và đồng bằng Đông Nam Bộ, thuận lợi cho phát triển công nghiệp, xây dựng hạ tầng và khu dân cư. Một số khu vực thấp trũng cục bộ có thể xuất hiện vào mùa mưa, nhưng nhìn chung địa hình ổn định, ít bị chia cắt bởi sông suối lớn.

Với vị trí địa lý thuận lợi, địa hình tương đối bằng phẳng và quỹ đất phát triển còn lớn, khu vực phường Chơn Thành có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp, đô thị và các dự án hạ tầng kỹ thuật. Trong đó, Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước nằm trên địa bàn phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai. Khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng. Điều kiện địa hình thuận lợi cho việc bố trí các hạng mục công trình, hệ thống giao thông nội bộ và hệ thống thoát nước.

2.2. Thông tin chung về cơ sở:

- Tên dự án đầu tư: Dự án Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước
- Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex – Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 14, tổ 8, khu phố 3, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.
- Địa điểm trụ sở chính: Quốc lộ 14, tổ 8, khu phố 3, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.
- Điện thoại: (0271) 364.0079 / 364.0091
- Người liên lạc: Ông Đặng Văn Dũng – Tổng Giám đốc.
- Giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần đã được cấp: Giấy phép Môi trường số 294/GPMT-BTNMT ngày 08/8/2024, Giấy phép Môi trường (cấp điều chỉnh lần 1) số 511/GPMT-BNNMT ngày 24/11/2025.
- Quy mô, công suất, loại hình sản xuất: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước trên tổng diện tích 24.482.732 m² (trong đó, khu A diện tích 21.384.211,71 m² và khu B diện tích 3.098.520,29 m²).
- Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh.



+ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	20
2	Đầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	300
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	10
Tổng khối lượng			330

+ Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50
2	Bao bì mềm dính thành phần nguy hại thải	18 01 01	2.040
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	3.060
4	Hóa chất và hỗn hợp phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	200
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	08 01 01	10
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất	18 01 02	50
7	Bùn từ trạm xử lý nước thải	12 06 05	2.108.000
Tổng khối lượng			2.113.410



+ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Rác thải từ các song chắn rác tại hồ thu gom, bể tách dầu	73.000
2	Bùn nạo vét mương thoát nước mưa, nước thải	12.000.000
Tổng khối lượng		12.073.000

+ Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: 9,4 tấn/năm.

- Thông tin liên quan khác (nếu có).

III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố chất thải; biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải

3.1. Xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải (mô tả chi tiết tên phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải).

Một số phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình phổ biến có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải tương ứng với nhóm chất thải:

- Đối với nhóm chất thải rắn: khu vực kho giữ chất thải tại nhà máy xử lý nước thải tập trung.

- Đối với nhóm chất thải lỏng: hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.2. Dự báo về sự cố chất thải (dự báo chất ô nhiễm, chất thải rò rỉ, tràn đổ, phát tán ra môi trường khi xảy ra sự cố chất thải; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố chất thải; dự báo phạm vi, đối tượng chính bị tác động do sự cố chất thải; dự báo tình huống xảy ra sự cố bảo đảm phù hợp với thực tế hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở; có thể sử dụng các mô hình để dự báo phạm vi tác động).

Một số sự cố chất thải có khả năng xảy ra tương ứng với nhóm chất thải:

- Đối với chất thải rắn:

+ Khu vực kho lưu giữ: Sụt, lún nền kho; bụi, vỡ các thiết bị lưu chứa chất thải làm tràn đổ ra nền trong kho chứa và làm phát tán chất thải ra môi trường.

- Đối với chất thải lỏng:



+ Hệ thống xử lý nước thải: Bục vỡ bồn, bể; thiết bị bị hỏng; quá tải làm tràn đổ ra bên ngoài làm phát tán chất thải ra môi trường.

3.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải (mô tả chi tiết các biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải tương ứng đối với từng phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải đã triển khai tại dự án đầu tư, cơ sở).

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải đối với khu vực kho lưu giữ chất thải:

+ Thiết bị lưu chứa đáp ứng các yêu cầu sau: Đảm bảo lưu giữ an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ; Không được ngâm, rò rỉ nước rác, phát tán chất thải do gió; Có dung tích, kích thước phù hợp với thời gian lưu giữ; Có nhãn nhận diện.

+ Bố trí các thiết bị lưu chứa CTNH đúng quy định: Chống ăn mòn, chống thấm, không thấm thấu, không bị gỉ, phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong; Thiết bị lưu chứa CTNH dạng lỏng, dễ bay hơi phải có nắp đậy kín, nắp hướng lên trên, khi chứa CTNH cách nắp tối thiểu 10 cm; Có dung tích, kích thước phù hợp với thời gian lưu giữ; Bố trí ở vị trí phù hợp, khoảng cách an toàn với khu vực làm việc, tránh đặt ở đầu hướng gió để phát tán các thành phần nguy hại ra xung quanh; Có dấu hiệu cảnh báo theo Tiêu chuẩn hiện hành với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ, phai màu.

+ Đối với kho chứa: Có cao độ nền bảo đảm không bị ngập lụt; mặt sàn trong khu vực lưu giữ được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Có sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu, không bị ăn mòn, độ bền cao chịu được tải trọng của CTNH; Tường, vách ngăn bằng vật liệu không cháy; Có mái che kín nắng, mưa bao phủ toàn bộ khu vực lưu giữ.

+ Tăng cường thời gian thu gom, chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý, không lưu chứa kéo dài.

- Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Đã xây dựng 01 hồ sự cố tại khu A có dung tích thiết kế 6.000 m³ để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu A gặp sự cố. Hồ sự cố có đáy được lắp đặt lớp HDPE chống thấm.

+ Đã xây dựng 01 hồ sự cố tại khu B có dung tích thiết kế 9.566 m³ để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu B gặp sự cố. Hồ sự cố có đáy được lắp đặt lớp HDPE chống thấm.

+ Đã lắp đặt 02 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung khu A và khu B.



- + Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải.
- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế.
- + Đảm bảo công suất xử lý, không để vượt quá công suất thiết kế hệ thống.

IV. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

4.1. Xác định phương tiện vận chuyển (vị trí xảy ra sự cố), hạng mục, công trình xảy ra sự cố chất thải; nguyên nhân xảy ra sự cố chất thải.

Các hạng mục, công trình xảy ra sự cố chất thải gồm: kho lưu giữ chất thải, hệ thống xử lý nước thải.

Nguyên nhân xảy ra sự cố chất thải: tràn đổ trong quá trình lưu giữ hoặc thu gom vận chuyển chất thải, hư hỏng thiết bị, rò rỉ đường ống, vận hành hệ thống không đúng quy trình kỹ thuật thiết kế.

4.2. Thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường.

Ngay khi phát hiện sự cố, cơ sở nhanh chóng triển khai các biện pháp khẩn cấp nhằm đảm bảo an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường như: đặt biển cảnh báo khu vực xảy ra sự cố, hạn chế người không có nhiệm vụ tiếp cận khu vực nguy hiểm, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người tham gia xử lý sự cố, ngừng các hoạt động có thể làm gia tăng mức độ phát tán chất thải, nếu có nạn nhân thì sau khi sơ cấp cứu đưa ngay nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất, sơ tán các nhân viên và tài sản để giảm thiệt hại.

4.3. Xác định loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường.

Tiến hành kiểm tra, xác định loại chất thải bị phát tán ra môi trường, ước tính số lượng và khối lượng chất ô nhiễm để có biện pháp xử lý phù hợp. Việc xác định này được thực hiện dựa trên hồ sơ quản lý chất thải, tình trạng thực tế tại khu vực xảy ra sự cố và các dấu hiệu quan sát được tại hiện trường.

4.4. Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật.

Sau khi xác định được nguồn và lượng chất thải phát tán, cơ sở tiến hành đánh giá sơ bộ phạm vi ảnh hưởng và mức độ tác động của sự cố đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và các sinh vật xung quanh nhằm có cơ sở triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp và kịp thời.

4.5. Thực hiện các biện pháp cô lập, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động.



Thực hiện các biện pháp cô lập khu vực xảy ra sự cố nhằm ngăn chặn chất thải tiếp tục lan rộng ra môi trường xung quanh. Các biện pháp có thể bao gồm: sử dụng vật liệu thấm hút, đắp bờ bao, che chắn khu vực phát tán, ngăn dòng chảy hoặc tạm thời ngừng hoạt động của hệ thống liên quan để hạn chế sự lan truyền của chất ô nhiễm.

4.6. Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm.

Tiến hành thu gom, thu hồi lượng chất thải đã phát tán ra môi trường và thực hiện xử lý đúng theo quy định. Các chất thải thu hồi được lưu giữ tạm thời tại khu vực phù hợp và chuyển giao đơn vị có chức năng để thu gom xử lý theo đúng quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

4.7. Thông báo, cung cấp thông tin về sự cố chất thải cho cộng đồng để phòng, tránh các tác động xấu từ sự cố chất thải.

Cơ sở thực hiện thông báo kịp thời cho cộng đồng xung quanh và các cơ quan có liên quan về tình hình sự cố chất thải để chủ động phòng tránh các tác động xấu có thể xảy ra đối với sức khỏe con người và môi trường.

4.8. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường báo cáo cấp trên trực tiếp.

Trong trường hợp sự cố vượt quá khả năng ứng phó, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường phải báo cáo kịp thời cho cấp trên trực tiếp và cơ quan có thẩm quyền để được hỗ trợ và chỉ đạo xử lý kịp thời.

4.9. Trường hợp phạm vi ô nhiễm, suy thoái môi trường của sự cố môi trường vượt ra ngoài phạm vi cơ sở, đơn vị hành chính thì người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải báo cáo cấp trên trực tiếp để chỉ đạo ứng phó sự cố.

Trường hợp sự cố gây ô nhiễm hoặc suy thoái môi trường vượt ra ngoài phạm vi cơ sở và đơn vị hành chính quản lý, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố phải báo cáo cấp trên trực tiếp để phối hợp triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp.

4.10. Báo cáo và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về sự cố chất thải theo quy định.

Sau khi khắc phục sự cố, cơ sở thực hiện lập báo cáo chi tiết về diễn biến, nguyên nhân, các biện pháp xử lý và kết quả khắc phục sự cố. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến sự cố chất thải được lưu trữ theo đúng quy định của pháp luật.

4.11. Các thông tin khác (nếu có).

Cơ sở tổ chức họp rút kinh nghiệm sau mỗi sự cố, rà soát và bổ sung các biện pháp phòng ngừa nhằm hạn chế tối đa khả năng tái diễn sự cố chất thải trong quá trình hoạt động.



V. Lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố chất thải

5.1. Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải của dự án đầu tư, cơ sở và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ đảm nhận	Di động	Chức vụ hiện tại
I. Đội PCCC&CNCH chuyên ngành Khu Công nghiệp				
1	Nguyễn Quang Phú	Đội trưởng	0909.490.038	Đội trưởng Đội Bảo vệ
2	Vương Quốc Tuấn	Đội phó	0968.755.338	Đội phó Đội Bảo vệ
3	Hồ Đắc Nhu	Đội phó	0914.493.878	Đội phó Đội Bảo vệ
4	Trần Minh Thảo	Thành viên	0966.697.101	Tổ trưởng Đội Bảo vệ
5	Nguyễn Chiêu Thái	Thành viên	0854.411.446	Tổ trưởng Đội Bảo vệ
6	Phạm Minh Vũ	Thành viên	0932.690.979	Bảo vệ
7	Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên	0832.944.879	Bảo vệ
8	Huỳnh Trọng Nguyễn Nhi Trưởng	Thành viên	0348.581.944	Bảo vệ
9	Nguyễn Thanh Tâm	Thành viên	0901.609.709	Bảo vệ
10	Trần Tuấn Sinh	Thành viên	0362.673.267	Bảo vệ
11	Tô Vĩnh Kiên	Thành viên	0913.071.170	Bảo vệ
12	Nguyễn Minh Nhựt	Thành viên	0931.242.535	Bảo vệ
13	Nguyễn Thành Nhân	Thành viên	0763.662.842	Bảo vệ
14	Huỳnh Trọng Nghiêm	Thành viên	0388.046.025	Bảo vệ
15	Trương Sĩ Đình Sang	Thành viên	0377.984.113	Bảo vệ
16	Phan Văn Long	Thành viên	0947.060.220	Bảo vệ
17	Nguyễn Thế Lâm	Thành viên	0969.338.713	Bảo vệ
18	Nguyễn Trung Tiến	Thành viên	0397.278.449	Bảo vệ
19	Nguyễn Thành Trung	Thành viên	0937.198.039	Bảo vệ
20	Hoàng Đình Thi	Thành viên	0982.723.783	Bảo vệ
21	Lê Văn Cường	Thành viên	0329.966.404	Bảo vệ
22	Liêu Lương Sơn	Thành viên	0975.220.187	Bảo vệ
23	Phan Văn Thành	Thành viên	0933.118.132	Bảo vệ
24	Trần Quang Thái	Thành viên	0916.694.359	Bảo vệ
25	Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên	0386.278.349	Bảo vệ



Stt	Họ và Tên	Chức vụ đảm nhận	Di động	Chức vụ hiện tại
26	Trương Sĩ Huy	Thành viên	0335.815.752	Bảo vệ
27	Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	0968.884.739	Bảo vệ
28	Lê Giang Sơn	Thành viên	0979.684.682	Tài xế
II. Nhà máy xử lý nước thải Khu A và Khu B				
1	Phạm Quang Duy	NMXLNT Khu A	0896.418.737	Tổ trưởng
2	Đặng Phước Bình	NMXLNT Khu B	0348.297.902	Tổ trưởng
3	Phan Ngọc Hoàng	NMXLNT Khu A	0386.895.490	Thành viên
4	Lê Hoàng Long	NMXLNT Khu A	0865.231.200	Thành viên
5	Phan Nguyễn Tuấn	NMXLNT Khu A	0965.736.075	Thành viên
6	Nguyễn Cao Sang	NMXLNT Khu B	0585.337.328	Thành viên
7	Đặng Quang Hưng	NMXLNT Khu B	0374.825.697	Thành viên
III. TÒA NHÀ VĂN PHÒNG				
1	Ngô Minh Trí	Thành viên	0934.073.643	Phó GĐĐH phòng TCHC
2	Lê Đức Vũ	Thành viên	0889.322.979	Nhân viên phòng SXKD
3	Vi Minh Hiếu	Thành viên	0943.767.222	Nhân viên phòng KT
4	Nguyễn Huỳnh Cao Lập	Thành viên	0913.822.805	Nhân viên Tổ trợ lý
5	Đường Công Danh	Thành viên	0398.033.566	Nhân viên Phòng TCHC
IV. ĐỘI SƠ CẤP CỨU				
1	Đoàn Thanh Phương	Nhân viên	0918.722.498	Nhân viên phòng TCHC
2	Trần Thị Ngọc Diệu	Thành viên	0977.112.677	Nhân viên phòng TCHC
3	Bùi Thị Hoài Thanh	Thành viên	0947.080.553	Nhân viên phòng QLĐ
4	Lê Thị Tuyết Nhung	Thành viên	0911.559.068	Nhân viên phòng SXKD
5	Vũ Quốc Hưng	Thành viên	0813.069.568	Tổ CNTT, phòng TCHC

- Danh sách các đơn vị bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra:



Stt	Tên cơ quan/đơn vị	Họ và tên lãnh đạo cơ quan/ đơn vị	Chức vụ	Số điện thoại
1	Trung tâm Y tế khu vực Chơn Thành	Nguyễn Trọng Cường	Giám đốc	02713.667.237
2	Đội PCCC & CNCH Khu vực 10	Lã Đình Hoạt	Phó đội trưởng	02713.691.190

5.2. Phương tiện ứng phó sự cố chất thải (liệt kê tên thiết bị, số lượng phương tiện ứng phó sự cố chất thải; kế hoạch đầu tư, mua sắm phương tiện ứng phó sự cố chất thải).

Phương tiện ứng phó sự cố được trang bị lưu trữ tại mỗi nhà máy xử lý nước thải gồm nhà máy khu A và khu B

Stt	Tên thiết bị, dụng cụ	Số lượng
1	Đồ bảo hộ lao động (găng tay cao su, ủng cao su, tạp dề, kính, mặt nạ phòng độc)	5 - 10
2	Vòi nước rửa mắt	2 cái
3	Cát	2 - 5 thùng
4	Giẻ lau	10 - 20 cái
5	Thùng chứa, xô	2 - 5 cái
6	Xẻng, chổi	2 - 5 cái
7	Thiết bị PCCC	4 bình

5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận (cần mô tả cụ thể nhiệm vụ của từng bộ phận khi xảy ra sự cố như: Quan sát, thông báo, báo động; sơ tán người, tài sản; bảo đảm an ninh, trật tự; hậu cần, y tế...).

- Nhiệm vụ chung của đội ứng phó sự cố là phối hợp lẫn nhau, hỗ trợ khắc phục nhanh nhất sự cố chất thải xảy ra tại cơ sở.

- Ban chỉ đạo sẽ chỉ đạo các đội thực hiện.

- Tại vị trí xảy ra sự cố: các đội tại vị trí sẽ quan sát, thông báo và báo động.

- Thực hiện: sơ tán người, tài sản đến nơi an toàn, sau khi được chỉ đạo các đội sẽ tăng cường phối hợp, đảm bảo an ninh trật tự, hậu cần, y tế.



- Đối với những trường hợp xảy ra sự cố cụ thể: sự cố cháy, tràn đổ hoá chất, hệ thống xử lý nước thải thì các đội sẽ thực hiện công việc theo hướng dẫn cụ thể tại quy trình phòng ngừa, ứng phó sự cố khẩn cấp của công ty.

5.4. Tổ chức chỉ huy (địa điểm, thành phần, nhiệm vụ...).

Stt	Họ và Tên	Chức vụ đảm nhận	Di động	Chức vụ hiện tại
Ban Chỉ đạo				
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban	0918.175.447	Phó Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thành Mười	Phó Trưởng Ban thường trực	0982.823.893	GĐDH phòng TCHC
3	Trần Gia Phú	Phó trưởng Ban	0913.922.988	Tổ trưởng Tổ trợ lý
4	Dương Văn Thuận	Thành viên	0913.506.839	GĐDH phòng SXKD
5	Phạm Viết Lý	Thành viên	0908.612.039	GĐDH phòng QLĐ
6	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên	0902.785.539	GĐDH phòng KT
7	Bùi Anh Tuấn	Thành viên	0399.060.903	Phó GĐDH phòng TT

Địa điểm: tất cả các vị trí thuộc Công ty.

Nhiệm vụ: chỉ đạo, giám sát công tác ứng phó, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, khắc phục sau sự cố xảy ra.

5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở về ứng phó sự cố chất thải.

- Diễn tập định kỳ 01 lần/năm.

- Hợp rút kinh nghiệm và cập nhật kế hoạch sau diễn tập.

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đã được xây dựng.

Kế hoạch được xây dựng phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động và nguồn lực của cơ sở. Khả năng tự ứng phó với những sự cố nhỏ được đánh giá là tốt.

6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo.

Công ty cam kết:



- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa.
- Ứng phó, khắc phục kịp thời khi có sự cố.
- Phục hồi môi trường sau sự cố.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật.

6.3. Kiến nghị của cơ sở (nếu có).

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN KKT tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân phường Chơn Thành;
- Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phường Chơn Thành;
- Ban TGD (B/c);
- Lưu: VT, P.SXKD (Hạnh).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dặng Văn Dũng

